

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Số: 338/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B, ngày 25 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2263/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Hứa Thị N**, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Ấp 10, xã S, huyện C, tỉnh Đ

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: 10/24, tổ 5, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 131 Luật hôn nhân và gia đình Việt N năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ồ Hứa Thị N và ông Nguyễn Văn N về việc “Ly hôn”.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hứa Thị N và ông Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Hứa Thuỳ L, sinh ngày 16/4/2019. Khi ly hôn, giao L cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng/tháng) kể từ ngày có quyết định đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N được quyền qua lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Bà Hứa Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0007057 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà N đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Ủy ban nhân dân xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Cẩm